

CÂN BẢO TỒN, PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA GIẾNG CỔ ở Nghệ An - Hà Tĩnh

■ Nguyễn Quang Hồng

Bài viết góp phần làm rõ những giá trị lịch sử - văn hóa của giếng làng trong đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của các thế hệ cư dân làng xã người Việt nói chung và cộng đồng cư dân làng xã ở xứ Nghệ nói riêng suốt dòng chảy lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Từ đó, chỉ ra một vài nguyên nhân dẫn đến sự biến mất của không ít giếng làng xưa trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và đề xuất một vài ý kiến với hy vọng một trong những di sản vô giá mà ông cha để lại sớm được phục hồi, góp phần làm cho bức tranh làng Việt ngày càng trở nên tươi đẹp, đáng sống trong công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay.



1. Giếng là tài sản - hồn vía của cư dân làng xã xứ Nghệ từ ngàn đời nay

Trên địa bàn huyện Diễn Châu (Nghệ An), tại khu di tích đền Cuông thờ vua An Dương Vương vẫn còn giữ một ngôi giếng cổ gắn với nhiều truyền thuyết lịch sử - văn hóa từ thời An Dương Vương cho đến thời Nguyễn ở thế kỷ XIX. Tại Bãi Chùa, trên đảo Song Ngư (thị xã Cửa Lò) có ngôi chùa cổ được cho là xây dựng vào thế kỷ XIII dưới thời Trần. Ngay trong khuôn viên nhà chùa, còn có ngôi giếng cổ được nhân dân đặt tên là giếng Ngọc, nước trong vắt, ngọt mát, bốn mùa không lúc nào cạn. Huyền tích, huyền sử cho rằng, các nàng tiên khi rời cõi tiên xuống chiêm nghiệm muôn vàn cảnh đẹp nơi hạ giới từng

đến đảo Song Ngư để soi mình và tắm ở giếng Ngọc này? Còn các thế hệ ngư dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh từ ngàn xưa tới nay thường cho thuyền cập đảo để lấy nước dùng trong mỗi lần ra khơi khai thác các nguồn lợi từ biển. Tại chùa Hương Tích, trên núi Hồng Lĩnh, bên cạnh suối Hương Tuyền còn có Am thờ Công chúa Diệu Thiện, con gái của Sở Trang Vương (?- 591TCN) cùng ngôi giếng thần gắn với bao truyền thuyết dân gian. Những dấu tích, phé tích lịch sử này có trước mấy thế kỷ khi vua An Dương Vương để mất nước⁽¹⁾.

Đó là chưa nói tới hàng trăm dấu tích, phế tích và cả một số ít ngôi giếng cổ vẫn còn được giữ nguyên cho tận ngày nay dọc hai bên sườn các dãy núi lớn như: Ngàn Hồng, Thiên Nhẫn, Đại Huệ, Đại Hải, Giăng Màn..., hay các ngọn núi nhỏ như: Dũng Quyết (thành phố Vinh), Thành Sơn (núi Rum, núi Nghĩa Liệt, Hưng Nguyên), Chung Sơn (Kim Liên, Nam Đàn), Tán Sơn, Nhuệ Sơn, Hùng Sơn (Nam Đàn), Ngũ Mã, Ngọc Sơn, Phượng Hoàng (Thanh Chương), Gám Sơn (núi Gám, Yên Thành)... gắn với công cuộc khai cơ, lập làng của các thế hệ cư dân ở lưu vực sông Lam từ thời Hùng Vương dựng nước tới nay.

Theo kết quả khảo sát, điền dã của chúng tôi, tại địa bàn các huyện: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Đô Lương, thị xã Hoàng Mai, thị xã Cửa Lò và thành phố Vinh, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thông thường, trên địa bàn 1-2 thôn, làng, xã ở các huyện trung du, đồng bằng Nghệ An có từ 1-2 giếng cổ. Giếng thường có hình tròn, hoặc hình vuông, một số giếng trên tròn dưới vuông, có chiều rộng và chiều sâu khác nhau và thường tọa lạc ở những nơi đặc địa, thuận tiện cho cư dân trong làng khai thác nguồn nước trong lành từ giếng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, dòng họ suốt từ thế kỷ này đến thế kỷ khác. Cư dân làng xã thường dùng đá ong, đá núi, đá sò, hoặc gạch nung theo phương pháp thủ công truyền thống, chèn ghép từ dưới đáy giếng lên đến thành giếng mà không dùng các loại vôi, vữa hay chất dính kết. Thành giếng cũng được ghép bằng các tảng đá ong, đá sò hay các viên đá núi, gạch và thường chỉ cao hơn mặt đất từ 0,3-1m nhằm ngăn các loại đất đá, rác bẩn trôi vào giếng và thuận tiện cho người dân khi sử dụng⁽²⁾.

Trong tâm thức của người Việt nói chung, cộng đồng cư dân xứ Nghệ nói riêng, tự ngàn đời nay, giếng nước của làng, xã là tài sản chung của tất cả các thành viên trong làng. Từ khi cất tiếng khóc chào đời, dù là nam hay nữ đều được ông bà, cha mẹ cho tắm nước giếng làng. Tại mỗi giếng làng, thường có sẵn một chiếc gàu (đài) làm (chằm) từ vỏ (bẹ) cây cau, ở giữa có một thanh tre, dùng để buộc dây và một đoạn dây thừng từ mây, hay những sợi giang vót mỏng bện thành (tiếng địa phương gọi là chạc mụi, chạc cày) thậm chí là bằng một tàu chuối khô... Mỗi buổi sáng mai hay vào lúc chiều tối hoàng hôn, các bà, các mẹ, các chị, đòn gánh trên vai, mang lu sành hay nôi đất, nhà giàu

có dùng nôi đồng, từ muôn ngõ, ngách trong thôn, làng tập trung về giếng để tắm, giặt, vo gạo, rửa rau, trò chuyện râm ran... Sau đó, lấy nước đổ đầy các lu, nôi, rồi gánh nước thoăn thoắt theo lối nhỏ trở về nhà. Trong nhà thường có sẵn một vài chiếc lu, vại hay chum sành để đựng nước. Hạnh phúc dung dị của bao thế hệ cha ông ở làng xã chỉ là: “Com ngày ba bữa/ Đổ lửa ba lần” hay “Nước giếng làng ta mát/ Cổng làng ta uy nghi/ Đa làng ta đầm chời”...

Giống như các thế hệ cư dân làng xã ở những vùng miền khác, người Nghệ xưa chỉ dùng nước giếng để nấu cơm, canh, nấu rượu... nấu nước chè xanh, chè vôi, chè cỏ... không mấy ai nấu nước sôi để uống. Nước giếng làng mát ngọt có sẵn trong các chum, vại. Ngay cạnh đó đã có sẵn chiếc gáo dừa, hoặc gáo nứa, tre, một vài chiếc bát sành, chỉ cần múc đổ vào là uống, ngày này qua năm khác, trẻ cũng như già, chẳng phân biệt giàu nghèo thấp hèn. Mỗi năm một lần (thường vào mùa hè), cư dân làng xã chọn ngày tốt, sau khi làm lễ xin Thần giếng, thần Hoàng làng, cùng nhau vét (khảo giếng) - tức là cùng một lúc có nhiều đàn ông trong làng dùng gàu (khau) giai, gàu sòng, hay gàu (đài) múc sạch nước giếng, sau đó, thanh niên trong làng xuống giếng vét sạch bùn đất, để đảm bảo cho nguồn nước luôn trong, mát, không bị hôi, tanh vì mùi bùn, đất, lá cây... Chỗ nào thành giếng bị sạt lở thì dùng gạch, đá, chèn ghép lại như cũ. Các cụ gọi là khơi thông long mạch của làng với ước nguyện cư dân làng xã cả năm làm ăn gặp nhiều may mắn, vạn vật sinh sôi, cuộc sống mọi nhà no đủ, thanh bình...

Các thế hệ học trò người Nghệ xưa nổi tiếng với truyền thống hiếu học, khổ học, thi cử đỗ đạt, đem hết Tâm - Tài giúp dân giúp nước. Khảo sát tại các làng xã nổi tiếng có nhiều dòng họ khoa bảng ở các huyện: Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn

Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương (Nghệ An), Đức Thọ, Nghi Xuân, Hương Sơn, Thạch Hà (Hà Tĩnh)..., mỗi làng khoa bảng, dòng họ khoa bảng đều gắn với 1-2 giếng làng. Điều khá đặc biệt là, cho dù trên địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh có khá nhiều dòng họ trâm anh, thế phiệt, từng có lịch sử định cư từ 300-400 năm đến 600-800 năm, sản sinh cho quê hương, đất nước nhiều hiền tài, trong đó có không ít người làm đến Tể tướng, Thượng thư... thường xuyên cùng nhà vua bàn chuyện quân cơ, quốc sự, nhà thờ Đại tôn, Trung tôn bề thế, uy nghi, ruộng họ có tới vài chục mẫu Nhất đẳng điền..., nhưng chưa có dòng họ nào đào hẳn một cái giếng để con cháu trong dòng họ dùng riêng. Có chăng, họ chỉ bỏ tiền để cùng dân làng đào chung một chiếc giếng, hoặc sửa sang lại giếng cũ để cả làng cùng sử dụng từ đời này qua đời khác⁽³⁾.

Mỗi gia đình, gia tộc, dòng họ đều dùng nước giếng làng để thờ cúng ông bà tổ tiên. Rộng hơn, tất cả các loại hoa quả, lễ vật... mà cư dân làng xã dùng để dâng tế các vị thánh, thần (bao gồm cả Nhiên thân và Nhân thân) cũng như chư vị Đức Phật suốt xuân thu nhị kỳ ở hàng ngàn đền, miếu, đình, chùa lớn nhỏ ở lưu vực sông Lam suốt từ thế kỷ này đến thế kỷ khác đều được rửa sạch, hoặc nấu... từ nguồn nước tinh nguyên, trong suốt ở hàng trăm, hàng ngàn giếng cổ tại các làng, xã. Khi toàn bộ dân làng nhất tâm vạn người như một dốc hết sức mạnh vật chất và tinh thần cùng toàn dân đánh giặc, bảo vệ quê hương, đất nước, thì nước giếng làng dùng để vo gạo, thổi cơm nuôi quân... Giếng làng của người Việt cổ nói chung, người Nghệ nói riêng ôm chứa biết bao giá trị lịch sử - văn hóa của các thế hệ cư dân làng xã tiếp nối. Đi ra khỏi làng, người ta nhớ về giếng làng, cổng làng, đình làng... khi về đến làng dù già hay trẻ, gái hay trai đều tìm đến giếng làng để được rửa, được uống những ngụm nước ngọt lành. Giếng/cổng/đình/đền thờ/chùa trở thành tài sản vô giá của cư dân làng xã và thực sự trở thành hồn vía của làng, bởi vậy không ít làng xã ở Nghệ An, Hà Tĩnh xưa khi soạn Hương ước, Khoán ước thường đưa ra những điều khoản cụ thể buộc tất cả các thành viên trong làng phải tuân thủ nghiêm ngặt để bảo vệ nguồn nước trong sạch từ giếng làng⁽⁴⁾.

2. Giếng làng, đã, đang tiếp tục bị lãng quên, biến mất

Theo sách: “*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*”, trấn Nghệ An (bao gồm cả Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay)

đầu thế kỷ XIX có 5 phủ, 16 huyện, 17 tổng, 1.125 xã. Trong đó, huyện Kỳ Hoa có 6 tổng, 173 xã, thôn, trang, phường, trại, giáp, tích, vạn. Huyện Thạch Hà có 7 tổng, 54 xã, thôn, trang, sở, giáp, đội, vạn. Huyện Thanh Chương thuộc phủ Đức Quang có 6 tổng, 105 xã, thôn, trang, sách, giáp, sở, vạn, nậu. Huyện Chân Lộc có 4 tổng, 66 xã, thôn, phường, trang. Huyện Thiên Lộc có 7 tổng, 85 xã, thôn, phường, trang, trại, vạn (không kể 5 xã, thôn trong huyện đã phiêu bạt). Huyện Hương Sơn có 8 tổng, 49 xã, thôn, vạn, giáp, phường. Huyện La Sơn có 7 tổng, 60 xã, thôn, trang. Huyện Nghi Xuân có 5 tổng, 45 xã, thôn, trang. Phủ Anh Đô có 2 huyện: Huyện Hưng Nguyên có 7 tổng, 86 xã, thôn, phường, vạn, tộc; Huyện Nam Đường có 8 tổng, 90 xã, thôn, phường, trại, sách, giáp, vạn. Phủ Diễn Châu có 2 huyện: Huyện Quỳnh Lưu có 4 tổng 69 xã, thôn, giáp, phường, sách, trang, trại; Huyện Đông Thành có 7 tổng, 242 xã, thôn, trang, giáp, sách, phường. Phủ Trà Lân có 4 huyện: Huyện Tương Dương có 3 tổng, huyện Vĩnh Hòa có 3 tổng, huyện Hội Nguyên có 3 tổng, huyện Kỳ Sơn có 5 tổng⁽⁵⁾. Nếu chỉ tính bình quân mỗi thôn, làng, xã có từ 1-2 giếng cổ, thì đến khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 bùng nổ và thắng lợi, số giếng làng trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh vượt xa cả ngàn chiếc.

Từ nửa đầu thế kỷ XIX đến nay, trải hơn hai thế kỷ, cùng với những biến đổi thăng trầm của lịch sử dân tộc, duyên cách địa giới hành chính, tên gọi các huyện, xã, thôn, làng, trang, phường, vạn... ở Nghệ An, Hà Tĩnh cũng nhiều lần thay đổi. Đặc biệt, từ nửa sau thế kỷ XX, hệ thống đình, đền, chùa, miếu mạo cùng với cổng làng, giếng làng, cây đa làng... ở hầu hết các làng, xã trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh lần lượt bị tháo dỡ, phá bỏ, chặt hạ hay xuống cấp thậm chí là chỉ còn dấu tích, phé tích hoặc biến mất

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vĩnh viễn. Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, có thể nêu một vài nguyên nhân chính yếu sau đây:

- *Thứ nhất*, cùng với công cuộc xây dựng tổ đổi công, tổ vùn công, Hợp tác xã bậc thấp sau đó là Hợp tác xã bậc cao từ những năm cuối của thập kỷ 50 cho đến thập kỷ 60 của thế kỷ trước, địa vị độc tôn của giếng làng từng bước bị suy giảm. Nguyên do là cùng với công cuộc vận động nông dân làng xã ăn chín, uống sôi, xây nhà vệ sinh một ngăn, hai ngăn, phòng chống các loại dịch bệnh như: dịch tả, thương hàn, sốt rét, đau mắt hột..., công cuộc tuyên truyền, vận động các hộ gia đình nông dân đào giếng, xây giếng ngay trong vườn nhà mình để lấy nước giếng nhà thay cho giếng làng phục vụ sinh hoạt thường ngày trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi. Cán bộ, đảng viên đi trước, nhân dân làng nước theo sau, kết quả là chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, hàng ngàn, hàng vạn giếng lớn nhỏ được các hộ gia đình xã viên ở Nghệ An, Hà Tĩnh đào, xây và đưa vào sử dụng. Quan niệm đào giếng đụng chạm đến long mạch của làng từng tồn tại nhiều thế kỷ trước trở nên lỗi thời, lạc hậu, hoàn toàn không phù hợp với bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Tuy nhiên, dù đã có giếng nhà thay thế, nhưng do nhiều nguyên nhân, nước giếng làng vẫn được nhiều hộ gia đình trong làng xã đem về sử dụng. Đặc biệt, từ ngày 5/8/1964 đến trước ngày 30/4/1975, ngoài các hộ gia đình nông dân làng, xã, giếng làng còn là nơi cung cấp nguồn nước uống, sinh hoạt... cho hàng vạn bộ đội, thanh niên xung phong, dân quân, cũng như học sinh, sinh viên từ Trường Đại học Sư phạm Vinh, Trung cấp



Giếng Lèn làng Vinh Tuy, xã Vinh Thành, huyện Yên Thành là giếng cổ có kiến trúc độc đáo gắn liền với những huyền tích xa xưa

Sư phạm Nghệ An... các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh, thành phố Vinh sơ tán về địa bàn các huyện trung du, đồng bằng ở Nghệ An. Nhờ đó, giếng làng vẫn tiếp tục được bảo tồn, cho dù từ những năm 60-70, việc phá bỏ, tháo dỡ, hay chuyển mục đích sử dụng đình, đền, chùa, miếu mạo ở các huyện, thành thuộc 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh trở thành phổ biến mà hậu quả cho đến nay chưa dễ gì khắc phục được⁽⁶⁾.

- *Thứ hai*, do tư tưởng chủ quan, nóng vội, duy ý chí và cả sự thiếu hiểu biết về các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể mà công làng, giếng làng, đình làng... lưu giữ từ nhiều thế kỷ trước, nên từ những năm cuối thập kỷ 70 đến cuối thế kỷ XX, các công trình kiến trúc mang đầy giá trị nhân văn của cư dân làng xã tiếp tục rơi vào tình trạng xuống cấp, hư hỏng, trở thành dấu tích, phế tích, bị lãng quên hay biến mất bởi muôn ngàn lý do khác nhau. Các miếu thờ thần giếng, giếng làng cũng nằm trong bối cảnh chung đó. Bước sang thế kỷ XXI, cùng với công cuộc xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa vật chất và tinh thần cho hơn 70% dân số sống ở địa bàn nông thôn, giảm bớt khoảng cách giàu, nghèo giữa nông thôn và thành thị, hầu hết các lũy tre làng, vườn tạp bị đốn hạ, chặt phá, đường làng được bê tông hóa, hàng ngàn nhà văn hóa của các thôn, xóm, khối... được đầu tư xây dựng ở hầu khắp các huyện, thành, thị... Diện mạo nông thôn làng xã ở Nghệ An, Hà Tĩnh thay đổi nhanh chóng. Nhiều làng, xã đạt chuẩn làng văn hóa, nhiều xã, huyện được công nhận đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới. Không ít làng, xã ở địa bàn thành phố Vinh, hay tại các thị xã: Hoàng Mai, Cửa Lò, Thái Hòa (Nghệ An), Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh)... hoặc trên địa bàn huyện các huyện: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành, Hưng Nguyên, Nam Đàn... lần lượt được dùng nước sạch do các Nhà

máy nước mới được đầu tư, xây dựng cung cấp. Giếng nhà (bao gồm cả giếng đào, giếng khoan) và số ít giếng làng còn sót lại ở các làng xã lần lượt bị loại bỏ, bởi nguồn nước ngầm không đủ sạch, an toàn để phục vụ cho nhu cầu dân sinh như trước.

Trong bối cảnh đó, việc bảo tồn hay không bảo tồn giếng làng xưa đã/đang trở thành một trong những vấn đề rất đáng được các cấp chính quyền từ làng, xã đến huyện, tỉnh, trung ương quan tâm. Qua thực tế điền dã, khảo sát của chúng tôi trên địa bàn một số huyện, thành của hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, trong vài thập kỷ qua có nhiều gia đình, hoặc hầu hết các hộ gia đình trong một thôn, xóm đã tự nguyện bỏ tiền của, công sức phục hồi lại giếng làng xưa. Sau khi phục hồi nguồn nước giếng làng xưa có thể phục vụ tắm, giặt cho một bộ phận cư dân trong làng, xã, nhưng cũng không ít trường hợp là chỉ để lưu giữ một phần hồn cốt của quê hương, làng xóm, trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Nhân dân xem đó như là một nghĩa cử, một trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà các thế hệ cha anh đã để lại. Điều đáng buồn là, cho đến nay, mặc dù đã có nhiều đề án, đề tài, dự án, công trình nghiên cứu,... đề cập ít, nhiều đến việc đẩy mạnh công cuộc xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân trên địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, du lịch, giáo dục, y tế, an ninh, chính trị, quốc phòng... nhưng dường như ít ai quan tâm tới việc phục hồi, lưu giữ giếng làng xưa. Ngay cả trong công cuộc xây dựng nông thôn mới (2010-2020), vấn đề giữ/bỏ/khôi phục giếng làng, đình làng... dường như cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Thậm chí các cấp chính quyền địa phương cũng như các ban ngành chức năng cũng chưa ban hành các văn bản hướng dẫn việc bảo vệ, phục hồi, trùng tu/hay phá bỏ giếng làng xưa. Bởi vậy, theo thời gian, giếng làng tiếp tục bị lãng quên, nhiều giếng làng cây cỏ mọc um tùm, bị đất đá, rác thải vùi lấp... hoặc biến mất.

3. Một vài kiến nghị

Từ góc độ một người sinh ra, lớn lên từ làng, từng được cùng ông bà, cha mẹ, anh em, bạn bè cùng trang lứa tắm, uống... dòng nước ngọt, mát từ một số giếng làng xưa, người viết bài này luôn mong mỏi các cấp chính quyền cũng như các ban, ngành hữu quan sớm có chủ trương, biện pháp đúng đắn nhằm khôi phục lại giếng làng. Có lẽ, đó cũng là suy nghĩ của rất nhiều

người con đã và đang sống ở các làng xã cũng như bao người đã rời làng xã dựng nghiệp cả ở trong và ngoài nước nhưng luôn nặng lòng nhớ về quê cha đất tổ.

Từ góc độ là người nghiên cứu, giảng dạy lịch sử - văn hóa, người viết bài này mong muốn các nhà khoa học thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau như: lịch sử, văn hóa, nhân học, dân tộc học, kinh tế học, chính trị học, xã hội học... sớm có các công trình nghiên cứu khoa học mang tính hệ thống, toàn diện về những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà cư dân làng xã đã tạo dựng, gìn giữ suốt chiều dài lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc nói chung. Để từ đó, có thể đề xuất các chính sách phù hợp đối với việc bảo tồn giếng làng - một phần không thể thiếu trong kho tài sản, di sản vô giá của làng xã và cũng là một phần không thể thiếu trong lịch sử - văn hóa - văn minh của người Việt./.

Chú thích:

(1) Thái Kim Đình, *Chùa cổ Hà Tĩnh*, Nxb Đại học Vinh, 2017, tr.81-87.

(2) PGS Ninh Viết Giao: *Làng, nông thôn Nghệ An thời kỳ phong kiến - thực dân đến trước khi có hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ*, bài viết in trong sách: *Văn hóa làng Nghệ An*, Nxb Nghệ An, 2017, tr.25-41 và bài: *Giếng làng*, tr.153-167.

(3) Trong công trình: *Văn hóa dòng họ Nghệ An* hay Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về dòng họ Ngô ở Lý Trai, dòng họ Đinh, dòng họ Nguyễn Trọng, dòng họ Hồ, dòng họ Dương,... ở Nghệ An, Hà Tĩnh được tổ chức trong thời gian qua, chỉ đề cập đến việc các dòng họ này mở trường học, góp tiền của để dựng đình làng, cổng làng, đền thờ thần hoàng, chùa làng, nhà thờ họ,... chứ không đề cập đến việc đào giếng cho riêng dòng họ dùng (NQH chú).

(4) Ninh Viết Giao (chủ biên): *Hương ước Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

(5) *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)*, bản dịch của Viện Hán Nôm, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.98-106.

(6) GS.NGND Nguyễn Đình Chú, *Những là rày ước mai ao*, in trong sách: *Văn hóa Phật giáo xứ Nghệ: Quá khứ, hiện tại và Tương lai*, Nxb Hồng Đức, 2013, tr.413-423.